TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-3-2020
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Đượm**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- **Thư ký phiên tòa**: Ông **Đinh Văn Tiến** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Dung -** Kiểm sát viên

Vào ngày 04/3/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2019/TLST- HNGĐ ngày 28/8/2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Đoàn Trọng T**, sinh năm: 1968 (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Hoàng Thi L**, sinh năm: 1969 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đoàn Trọng D**, sinh năm: 1963 (Vắng)

2. Bà **Hà Thị S**, sinh năm: 1964(Vắng)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn ông Đoàn Trọng T trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, ông và bà Hoàng Thị L chung sống với nhau năm 1994 đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính

tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày. Nay tình cảm không còn, nên ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là chị Đoàn Thị Huế, sinh ngày 12/3/1995, chị Đoàn Thị Hường, sinh ngày 16/02/1998 và chị Đoàn Thị Hồng, sinh ngày 04/11/2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông và bà Hoàng Thị L có nợ ông Đoàn Trọng D và bà Hà Thị S 5,4 cây vàng 9999.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung. Theo bà cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do ông T không quan tâm đến gia đình, ông bà thường xuyên cãi nhau, ông T đánh đập bà, ngoài ra ông bà còn mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc, kinh tế gia đình. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà, bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông T đã thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng, Nếu không chia tài sản chung thì bà không đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là chị Đoàn Thị Huế, sinh ngày 12/3/1995, chị Đoàn Thị Hường, sinh ngày 16/02/1998 và chị Đoàn Thị Hồng, sinh ngày 04/11/2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà có khối tài sản chung là hơn 4000m^2 đất và 01 căn nhà cấp 4, tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ, bà yêu cầu ông T phải thỏa thuận chia tài sản chung cho bà.

Về nợ chung: Bà thừa nhận trước đây vợ chồng ông bà có nợ ông Đoàn Trọng D và bà Hà Thị S 5,4 cây vàng 9999 như lời trình bày của ông T, nhưng nay đã trả nợ xong.

- Tại biên bản lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Trọng D và bà Hà Thị S trình bày: Năm 1993 vợ chồng ông bà nhận sang nhượng 0,5 ha đất với số tiền là 6,5 cây vàng 9999. Cuối năm 1994 vợ chồng ông bà có sang nhượng lại cho ông T và bà L phần diện tích đất trên, ông T và bà L đã trả cho vợ chồng ông bà 1,1 cây vàng 9999 còn nợ lại 5,4 cây vàng còn lại. Từ năm 1994 đến nay ông bà có nhắc nợ vợ chồng ông T, bà L nhiều lần nhưng đến nay chưa trả, do ông T là anh em trong gia đình nên ông bà không làm giấy vay nợ, chỉ nói miệng với nhau. Ông bà sẽ thỏa thuận với ông T và bà L số nợ trên, ông bà không yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này. Do bận công việc nên ông bà đã có đơn xin xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai, đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông T yêu cầu ly hôn với bà L, xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng nên chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà L. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung: Ông T cho rằng vợ chồng có nợ chung là 5,4 chỉ vàng 9999 của ông Đoàn Trọng D và bà Hà Thị S. Bà L không thừa nhận số nợ này. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Đoàn Trọng T có đơn khởi kiện xin ly hôn với Bà Hoàng Thị L, do đó xác định Ông T là nguyên đơn, bà L là bị đơn. Ông Đoàn Trọng D và bà Hà Thị S là người cho ông T và bà L vay nợ nên xác định ông D và bà S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Đoàn Trọng D và bà Hà Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt ông D và bà S tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Trọng T và bà Hoàng Thị L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông T nhận thấy: ông T yêu cầu ly hôn với bà L. Bà L chỉ đồng ý ly hôn khi ông T đã thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng, nếu chưa chia, bà không đồng ý ly hôn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà L đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Tình cảm của ông bà hiện nay dành cho nhau không còn. Như vậy chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà L là phù hợp

[4] Về con chung: ông bà có 03 con chung là chị Đoàn Thị Huế, sinh ngày 12/3/1995, chị Đoàn Thị Hường, sinh ngày 16/02/1998 và chị Đoàn Thị Hồng, sinh ngày 04/11/2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung: Ông bà đều thừa nhận có khối tài sản chung là hơn 4000m^2 đất và 01 căn nhà cấp 4, tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà L không đồng ý làm thủ tục khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, nên không xem xét giải quyết là phù hợp

[6] Nợ chung: ông T cho rằng vợ chồng có nợ chung là 5,4 cây vàng 9999 của ông Đoàn Trọng D và bà Hà Thị S. Bà L không thừa nhận số nợ này. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

[8] Xét nhận định của Kiểm sát viên: phù hợp, nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

-***Tuyên xử:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Trọng T được ly hôn với bà Hoàng Thị L

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: ông Đoàn Trọng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003200 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Ông Đoàn Trọng T và bà Hoàng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Ông Đoàn Trọng D và bà Hà Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận**:*
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly